

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2019/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2019

THÔNG TƯ

**Quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ
chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ
chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ**

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia,

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cá nhân, tổ chức sau:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng;
4. Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng chữ ký số công cộng, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;
5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia” là chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia tự cấp cho mình.
2. “Chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký chuyên dùng Chính phủ” là chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tự cấp cho mình.
3. “Chứng thư số công cộng” là chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp cho thuê bao.
4. “Chứng thư số chuyên dùng Chính phủ” là chứng thư số do Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp cho thuê bao.
5. “Chứng thư số SHA-1” là chứng thư số sử dụng hàm băm an toàn SHA-1 trong thuật toán ký chứng thư số.
6. “Chứng thư số SHA-256” là chứng thư số sử dụng hàm băm an toàn SHA-256 trong thuật toán ký chứng thư số.
7. “Chữ ký số công cộng” là chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số công cộng.
8. “Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ” là chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số chuyên dùng Chính phủ.
9. “Mô hình công nhận chéo” là mô hình liên thông giữa hai tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số, trong đó, các cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng chứng thư số được cấp bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số này tin cậy các chứng thư số gốc của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số kia và ngược lại.

Điều 4. Mô hình liên thông

Mô hình liên thông giữa Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ là mô hình công nhận chéo.

Các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ được quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 5. Danh sách các chứng thư số gốc tin cậy

1. Danh sách các chứng thư số gốc tin cậy bao gồm:

- a) Các chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
- b) Các chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Danh sách các chứng thư số gốc tin cậy quy định tại khoản 1 Điều này được quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Quy định về các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao

1. Các trường thông tin trong chứng thư số công cộng và chứng thư số chuyên dùng Chính phủ phải tuân thủ quy định về định dạng và nội dung các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

2. Các trường thông tin trong chứng thư số công cộng không thuộc quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này phải tuân thủ quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về định dạng chứng thư số công cộng.

3. Các trường thông tin trong chứng thư số chuyên dùng Chính phủ không thuộc quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này phải tuân thủ hướng dẫn của Ban Cơ yếu Chính phủ về định dạng chứng thư số chuyên dùng Chính phủ.

Điều 7. Quy định đối với chức năng ký số, kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số của các ứng dụng sử dụng chữ ký số

1. Đối với chức năng ký số: Ứng dụng phải cho phép người ký là thuê bao của các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và thuê bao của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ thực hiện ký số.

2. Đối với chức năng kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số: Ứng dụng phải cho phép người ký, người nhận kiểm tra hiệu lực chứng thư số công cộng, chữ ký số công cộng và hiệu lực chứng thư số chuyên dùng Chính phủ, chữ ký số chuyên dùng Chính phủ theo quy định tại các Điều 78 và 79 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia) có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện quy định về các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao; đảm bảo việc trao đổi các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ chính xác và an toàn;

b) Công bố danh sách các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia trên trang thông tin điện tử <http://www.rootca.gov.vn>;

c) Hàng năm rà soát, trình Bộ Thông tin và Truyền thông cập nhật, ban hành danh sách các chứng thư số gốc tin cậy khi có sự thay đổi về các chứng thư số gốc của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia và Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ có trách nhiệm:

a) Thực hiện hướng dẫn về các trường thông tin trong chứng thư số chuyên dùng Chính phủ;

b) Công bố danh sách các chứng thư số gốc tin cậy của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trên trang thông tin điện tử <http://ca.gov.vn>.

3. Các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng có trách nhiệm thực hiện quy định về các trường thông tin trong chứng thư số công cộng.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát triển ứng dụng sử dụng chữ ký số có trách nhiệm thực hiện quy định đối với chức năng ký số, kiểm tra hiệu lực chứng thư số, chữ ký số của các ứng dụng sử dụng chữ ký số theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Các chứng thư số của thuê bao được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng cho đến khi hết hiệu lực hoặc được chủ động chuyển đổi để đáp ứng quy định về các trường thông tin trong chứng thư số của thuê bao theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.
2. Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia, Thủ trưởng Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Mạnh Hùng**